

Phụ lục 01

**MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ**

*(Kèm kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2025 của trường MN Đồng Sơn
về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Năm học 2025-2026)*

Lĩnh vực	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	a. Phát triển vận động		
	MT1:	Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng: + Trẻ trai: 11,3-18,3 kg. + Trẻ gái: 10,8- 18,1 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 88,7-103,5 cm + Trẻ gái: 87,4- 102,7 cm	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ: 2 lần/năm. - Cân, đo trẻ theo quy định. - Theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
	MT2:	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, l- ng, bụng và chân.	*/ Tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp: - <i>Hô hấp:</i> Tập hít vào thở ra. - <i>Tay:</i> Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - <i>L- ng, bụng, l- òn:</i> + Cúi người về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vịn người sang hai bên. - <i>Chân:</i> + Ngồi xổm, đứng lên, co duỗi từng chân. + Bật tại chỗ.
	MT3:	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi theo hiệu lệnh đi đều.	+ Đi theo đường thẳng + Đi theo hiệu lệnh + Đi theo hiệu lệnh đi đều
	MT4:	Trẻ thực hiện được vận động bước xuống bậc cao 15cm.	+ Đi b- ớc vào các ô. + Đi bước qua vật cản. + Bước lên xuống bậc có vịn + Bước lên xuống bậc cao 15cm
	MT5:	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi trong đường hẹp có bề vật trên	+ Đi trong đ- ờng hẹp + Đi theo đ- ờng ngoằn ngoèo. + Đi có mang vật trên tay

	tay.	+ Đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.
MT6:	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đứng.	+ Đứng co 1 chân
MT7:	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô.	+ Chạy theo h- ống thẳng. + Chạy đổi h- ống. + Chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô.
MT8:	Trẻ biết thực hiện vận động phối hợp tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m.	+ Tung bóng bằng 2 tay. + Tung bóng qua dây. + Tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m.
MT9:	Trẻ biết thực hiện vận động phối hợp tay - mắt: ném vào đích xa 1- 1,2m.	+ Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích xa 1- 1,2m.
MT10:	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	+ Bò thẳng hướng + Bò thẳng h- ống theo đường hẹp + Bò theo đường díc dắc + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng.
MT11:	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò qua vật cản cao 15cm.	+ Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản cao 10cm + Bò qua vật cản cao 15cm
MT12:	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể thực hiện vận động tr- ườn qua vật cản cao 10 -15cm.	+ Trườn chui qua cổng. + Tr- ườn qua vật cản cao 10-15cm
MT13:	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	+ Ném xa bằng 1 tay + Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)
MT14:	Trẻ biết phối hợp chân, tay thực hiện vận động bật.	+ Bật tại chỗ. + Nhún bật về phía trước + Bật qua vạch kẻ + Bật xa bằng 2 chân.
MT15:	Trẻ thực hiện được vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay thực hiện “múa khéo”	+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào đất nặn, khuấy, đảo, vò, xé. + Đóng cọc bàn gỗ + Nhón nhặt đồ vật.
MT16:	Trẻ phối hợp đ- ợc cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: Nhào đất bặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ tay.	+ Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. + Chắp ghép hình. + Chồng xếp 6-8 khối + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách.

b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:		
MT17:	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn đ-ợc các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn với nhau.
MT18:	Trẻ có một số thói quen tốt trong ăn uống.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống.
MT19:	Trẻ có thói quen ngủ 1 giấc buổi tr- a.	- Luyện thói quen ngủ một giấc tr- a
MT20:	Trẻ có một số thói quen tốt trong sinh hoạt.	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay tr- ớc khi ăn; lau mặt; lau miệng; uống n- ớc sau khi ăn; lau mặt; vứt rác đúng nơi quy định.
MT21:	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT22:	Trẻ làm đ-ợc một số việc với sự giúp đỡ của ng- ời lớn.	- Tập tự phục vụ: xúc cơm , uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, chuẩn bị chỗ ngủ... - Tập nói với ng- ời lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong thao tác rửa tay lau mặt.
MT23:	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập thói quen đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
MT24:	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi đ-ợc nhắc nhở.	- Một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không đ-ợc phép sờ vào hoặc đến gần.
MT25:	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi đ-ợc nhắc nhở.	- Một số hành động nguy hiểm và phòng, tránh: Leo trèo lên lan can; leo, trèo lên bàn ghế, chơi nghịch các vật sắc nhọn...
2. Phát triển nhận thức	a. Luyện tập và phối hợp các giác quan:	
	MT26:	Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ, nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.

			- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, nhẵn- xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
	b. Nhận biết:		
	MT27:	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Sử dụng thìa, bát, búp bê, ô tô, quả bóng... - Chơi bế em... - Tập xúc cơm cho bé - Tập nấu bột, pha sữa cho bé...
	MT28:	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
	MT29:	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tay, chân.
	MT30:	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc.
	MT31:	Trẻ nói được tên và một số đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của PTGT gần gũi trẻ: Ô tô, xe đạp, xe máy...
	MT32:	Trẻ chỉ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.
	MT33:	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (To - nhỏ).
	MT34:	Trẻ nhận biết, phân biệt được hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
	MT35:	Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.	- Vị trí trong không gian (Trên - dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ.

	MT36:	Trẻ nhận biết được số lượng một và nhiều.	- Số lượng (một - nhiều)
3. Phát triển ngôn ngữ	a. Nghe:		
	MT37:	Trẻ thực hiện đ-ợc nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
	MT 38:	Trẻ thể hiện sự chú ý lắng nghe với một số câu hỏi đơn giản của người khác.	- Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì?; Như thế nào?...
	MT39:	Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, hò, vè, câu đố, truyện ngắn.	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, hò, vè, câu đố, truyện ngắn phù hợp với lứa tuổi trẻ.
	b. Nói:		
	MT40:	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
	MT41:	Trẻ nói được tên một số đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	MT42:	Trẻ trả lời đ-ợc câu hỏi: Ai đây?; Để làm gì?; Tại sao?; Cái gì đây?; Làm gì?; Thế nào?.	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?; Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao?...
	MT43:	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời đ-ợc các câu hỏi về tên truyện, tên và các hành động của các nhân vật.	- Trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và các hành động của các nhân vật.
	MT44:	Trẻ đọc đ-ợc thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các ca dao, bài thơ, đoạn thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.
	MT45:	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
	MT46:	Trẻ kể lại đ-ợc đoạn truyện được nghe nhiều lần dưới sự gợi ý của cô.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, cô gợi ý.
	MT47:	Trẻ sử dụng đ-ợc lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện.	- Câu chào hỏi, trò chuyện với người khác. - Nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh... - Câu hỏi về các vấn đề quan tâm

		- Bày tỏ đ- ọc nhu cầu bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm.	nh- : Con gì đây?; Cái gì đây?...
	MT48:	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với ng- ời lớn.
	c. Làm quen với sách:		
	MT49:	Trẻ biết mở sách, cầm sách đúng chiều, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.	- Lắng nghe khi ng- ời lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	a. Phát triển tình cảm:		
	MT50:	Trẻ nói đ- ọc một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
	MT51:	Trẻ thể hiện đ- ọc điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thể hiện điều bé thích và không thích.
	MT52:	Trẻ nhận biết được trạng thái vui, buồn, sợ hãi.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	MT53:	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Bộc lộ cảm xúc của mình trước người khác thông qua nét mặt, cử chỉ...
	MT54:	Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt ch- ớc tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi: Bắt chước tiếng kêu, gọi của các con vật gần gũi.
	b. Phát triển kỹ năng xã hội:		
	MT55:	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những ng- ời xung quanh.
	MT56:	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
	MT57:	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe máy điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua các trò chơi giả bộ: Bế em, khuấy bột, bế em, nghe điện thoại..
	MT58:	Trẻ biết quan tâm đến các vật nuôi.	- Thể hiện, biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi và bắt chước được tiếng kêu của chúng.

	MT59:	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	MT60:	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của ng- ời lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến 1- ợt, để đồ chơi vào nơi quy định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
c. Phát triển cảm xúc thẩm mĩ:			
	MT61:	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của thiên nhiên và các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - H- ồng ứng cảm xúc cùng cô nh- nhún nhảy, lắc 1- , vỗ tay, giậm chân... theo nhịp bài hát.
	MT62:	Trẻ thích tô màu (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Tô màu trên những bức tranh đen trắng đã in sẵn (Hình vẽ to, đơn giản, rõ ràng, ít chi tiết) nh- : hoa, quả, em bé, đồ dùng, đồ chơi...
	MT63:	Trẻ thích vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.

Phụ lục 02
DỰ KIẾN THỜI GIAN VÀ CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN
(Kế hoạch số 54/KH-TrMN ngày 25/8/2024 của trường MN Đồng Sơn
về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Năm học 2025-2026)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CÁC SỰ KIỆN
1	Bé và lớp học của bé	3 tuần	Từ ngày 08/9/2025 đến 26/9/2025	
2	Các cô, các bác trong Trường Mầm non	3 tuần	Từ ngày 29/9/2025 đến ngày 17/10/2025)	Tết trung thu
3	Đồ dùng, đồ chơi của bé	4 tuần	Từ ngày 20/10/2025 đến ngày 14/11/2025	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam 20/10
4	Bé và những người thân trong gia đình	4 tuần	Từ ngày 17/11/2025 đến ngày 12/12/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
5	Những con vật đáng yêu.	4 tuần	Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 09/01/2026	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12
6	Cây và những bông hoa đẹp	3 tuần	Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 30/01/2026	
7	Ngày Tết và mùa xuân	2 tuần	Từ ngày 02/02/2026 đến ngày 13/02/2026	Tết nguyên đán
Nghỉ Tết nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/02/2026 (Từ ngày 29/12 đến hết ngày 12/01 âm lịch)				
8	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì	4 tuần	Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 27/03/2026	Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
9	Mùa hè với bé	4 tuần	Từ ngày 30/3/2026 đến ngày 24/04/2025	Ngày giỗ tổ Hùng Vương
10	Bé lên mẫu giáo	4 tuần	Từ ngày 27/04/2025 đến ngày 22/05/2026 (Nghỉ ngày lễ và tổ chức ôn luyện, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa)	Ngày giải phóng Miền Nam 30/04 Ngày Quốc tế lao động 01/05 - Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5
GHI CHÚ	Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026 Kết thúc chương trình: 22/5/2026 Kết thúc năm học 30/05/2026			

